

Số: 2206/BC-BKHĐT

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO

Tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2024

Thực hiện quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau đây gọi là Luật), Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp và báo cáo như sau:

1. Báo cáo công khai tài sản công năm 2024

Bộ Kế hoạch và Đầu tư công khai tài sản công năm 2024 theo các mẫu biểu:

- Công khai tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê tài sản công năm 2024 theo Mẫu số 10a-CK/TSC
- Công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2024 theo Mẫu số 10b-CK/TSC
- Công khai tình hình xử lý tài sản công năm 2024 theo Mẫu số 10c-CK/TSC

(Chi tiết các Mẫu biểu kèm theo)

2. Thực trạng công tác quản lý, sử dụng tài sản công năm 2024

a) Tình hình ban hành và thực hiện các văn bản pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công

Để thực hiện công tác quản lý, sử dụng tài sản công của Bộ được công khai, minh bạch, hiệu quả, Bộ đã ban hành một số văn bản pháp luật áp dụng trong nội bộ như sau:

- Thông tư số 25/2024/TT-BKHĐT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết trình tự, thủ tục lập, lấy ý kiến, quyết định đề án sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn Thành phố Hà Nội vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết của Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia; phương thức và giá cho thuê tài sản công của Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia trong Khu công nghệ cao Hòa Lạc.

- Quyết định số 1218/QĐ-BKHĐT ngày 19/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định danh mục mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung.

- Quyết định số 1146/QĐ-BKHĐT ngày 27/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Quyết định số 249/QĐ-BKHĐT ngày 21/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sửa đổi Quyết định số 1146/QĐ-BKHĐT ngày 27/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Quyết định số 1123/QĐ-BKHĐT ngày 16/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ủy quyền quyết định điều chuyển tài sản công.

- Quyết định số 2402/QĐ-BKHĐT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phê duyệt phương án bố trí, sắp xếp lại diện tích và vị trí làm việc đối với một số đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Quyết định số 2016/QĐ-BKHĐT ngày 20/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình tại các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Quyết định số 245/QĐ-TCTK ngày 19/3/2024 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê.

- Quyết định số 354/QĐ-TCTK ngày 23/4/2024 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc kiểm tra công tác quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục Thống kê.

- Quyết định số 2442/QĐ-BKHĐT ngày 24/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Quyết định số 1027/QĐ-BKHĐT ngày 24/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành kế hoạch triển khai Quyết định số 213/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Quyết định số 1028/QĐ-BKHĐT ngày 24/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thành lập Ban Chỉ đạo kiểm kê tài sản công tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Quyết định số 2265/QĐ-BKHĐT ngày 18/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo kiểm kê tài sản công tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Các văn bản hướng dẫn, đôn đốc, thực hiện các văn bản pháp luật:

- Công văn số 76/VP-KHTC ngày 06/3/2024 của Chánh Văn phòng Bộ về việc thực hiện kiểm tra chuyên đề công tác quản lý, sử dụng tài sản công.

- Công văn số 1945/BKHĐT-VP ngày 19/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc rà soát, sắp xếp, xử lý xe ô tô chuyên dùng theo quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP.

- Công văn số 2551/BKHĐT-VP ngày 05/4/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xác định và công khai tiêu chuẩn, định mức xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP.

- Công văn số 509/VP-KHTC ngày 04/11/2024 của Văn phòng Bộ về việc tăng cường công tác quản lý tài sản công tại các tổ chức hội.

- Công văn số 10866/BKHĐT-VP ngày 30/12/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thực hiện Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý.

Tất cả các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ đã ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công hoặc thay thế, sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

b) Thực hiện các văn bản pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản công theo đúng quy định của Luật và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật.

Việc phổ biến, tập huấn Luật và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật cho các đơn vị thuộc phạm vi quản lý được thực hiện theo hình thức phát hành văn bản đến từng đơn vị thuộc Bộ và mời Bộ Tài chính trực tiếp tổ chức tập huấn.

3. Đánh giá tình hình thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công

a) Thực trạng:

Việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư được thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định của pháp luật. Tài sản công được quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả, đúng mục đích; việc mua sắm thực hiện theo quy định, đúng tiêu chuẩn, định mức, tiết kiệm, công khai và minh bạch.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã hoàn thành việc rà soát xe ô tô theo Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô, Bộ đã xác định và công khai tiêu chuẩn, định mức xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng theo quy định.

b) Tồn tại, hạn chế:

Phần mềm Quản lý tài sản công (sau đây gọi là Phần mềm) nhiều thời điểm khó để truy cập khi số lượng người dùng đăng nhập cùng thời điểm lớn và bị lỗi khi sử dụng; đồng thời công chức làm công tác quản lý tài chính, tài sản công đều là kiêm nhiệm trong khi số lượng tài sản công của Bộ Kế hoạch và Đầu tư là rất

lớn nên việc kê khai số liệu trên Phần mềm đến thời điểm hiện nay chưa cập nhật đầy đủ chính xác.

c) Công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản công

Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê đã ban hành Quyết định số 354/QĐ-TCTK ngày 23/4/2024 về việc kiểm tra công tác quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục Thống kê; kế hoạch kiểm tra chuyên đề công tác quản lý, sử dụng tài sản công tại các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục Thống kê số 69/KH-TCTK ngày 24/4/2024.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chỉ đạo các đơn vị khẩn trương hoàn thành việc rà soát, sắp xếp các cơ sở nhà đất thuộc phạm vi quản lý để báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017; Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ.

Hiện nay, các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang khẩn trương hoàn thiện hồ sơ pháp lý về nhà, đất gửi các cơ quan chức năng của các tỉnh, thành phố để đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định Luật Đất đai.

d) Giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sử dụng tài sản công

Chủ động, kịp thời phổ biến, tuyên truyền và triển khai các văn bản hướng dẫn về quản lý, sử dụng tài sản công ban hành mới (nếu có) đến toàn thể công chức và người lao động thuộc Bộ.

Chỉ đạo các đơn vị thuộc Bộ thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật, đảm bảo phòng, chống tiêu cực, thất thoát, lãng phí trong quá trình sử dụng tài sản công của Bộ. Tiếp tục đẩy mạnh công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan đơn vị đảm bảo công khai, dân chủ, hiệu quả.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng tài sản công của các đơn vị, tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác quản lý tài sản công cho các đơn vị.

Trên đây là báo cáo công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công của Bộ Kế hoạch và Đầu tư năm 2024./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Nguyễn Thị Bích Ngọc (để b/c);
- TTTT&CĐS (để đăng tải trên cổng thông tin);
- Lưu: VT, VP (P.KHTC) *tl.02*

**TL. BỘ TRƯỞNG
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Phùng Quốc Chí
Phùng Quốc Chí

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Mẫu số 10a-CK/TSC

**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG , MUA SẴM , GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG
NĂM 2024**

DVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m²; Nguyên giá là: Nghìn đồng.

STT	TÀI SẢN	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG/MUA SẴM			TIẾP NHẬN			THUÊ		
		Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá
I	Bao Đầu tư	2		727.300						
1	Đất khuôn viên									
2	Nhà									
3	Xe ô tô									
4	Tài sản cố định khác	2		727.300						
II	Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương	20		299.200						
1	Đất khuôn viên									
2	Nhà									
3	Xe ô tô									
4	Tài sản cố định khác	20		299.200						
III	Trung tâm công nghệ thông tin và chuyên đổi số	5		645.760	40		43.200.535,025			
1	Đất khuôn viên									
2	Nhà									
3	Xe ô tô									
4	Tài sản cố định khác	5		645.760	40		43.200.535,025			

STT	TÀI SẢN	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG/MUA SẴM			TIẾP NHẬN			THUÊ		
		Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá
IV	Văn phòng Bộ	1971		105.897.529	12		136.048			
	<i>Văn phòng I tại Hà Nội</i>									
1	Đất khuôn viên									
2	Nhà									
3	Xe ô tô	5		6.494.200						
4	Tài sản cố định khác	1966		99.403.329,460	12		136.048			
	<i>Văn phòng phía Nam</i>									
1	Đất khuôn viên									
2	Nhà									
3	Xe ô tô									
4	Tài sản cố định khác									
V	Trường Cao đẳng kinh tế kế hoạch Đà Nẵng	1		12.300						
1	Đất khuôn viên									
2	Nhà									
3	Xe ô tô									
4	Tài sản cố định khác	1		12.300						
VI	Tổng cục Thống kê	653		81.386.717						
1	Đất khuôn viên	12		29.068.270						
2	Nhà	6		15.851.273						
3	Xe ô tô	1		859.732						
4	Tài sản cố định khác	634		35.607.442						

STT	TÀI SẢN	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG/MUA SẮM			TIẾP NHẬN			THUÊ		
		Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá
VII	Cục Phát triển doanh nghiệp				3		1.020.000			
1	Đất khuôn viên									
2	Nhà									
3	Xe ô tô				1		980.000			
4	Tài sản cố định khác				2		40.000			
VIII	Cục Quản lý đăng ký kinh doanh	1		193.121,280						
1	Đất khuôn viên									
2	Nhà									
3	Xe ô tô									
4	Tài sản cố định khác	1		193.121,280						
IX	Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia	28	36.432	754.560.000	1		474.691			
1	Đất khuôn viên									
2	Nhà	2	36.432	520.405.304,905						
3	Xe ô tô				1		474.691			
4	Tài sản cố định khác	26		234.154.695,095						
X	Cục Quản lý đấu thầu	6		85.800						
1	Đất khuôn viên									
2	Nhà									
3	Xe ô tô									
4	Tài sản cố định khác	6		85.800						

STT	TÀI SẢN	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG/MUA SẮM			TIẾP NHẬN			THUÊ		
		Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá
XI	Cục Đầu tư nước ngoài				44		1.924.082,053			
1	Đất khuôn viên									
2	Nhà									
3	Xe ô tô				1		980.000			
4	Tài sản cố định khác				43		944.082,053			

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Mẫu 10b-CK/TSC

**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG
NĂM 2024**

STT	Tài sản	Tổng cộng		Hiện trạng sử dụng						
		Số lượng	Diện tích (m2)	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
I	Văn phòng Bộ	2.200								
	<i>Văn phòng I tại Hà Nội</i>	<i>2.020</i>	<i>60.406,6</i>							
1	Đất khuôn viên	04	21.244,2	21.244,2						
2	Nhà	22	39.162,4	39.162,4						
2	Xe ô tô	17		17						
4	Tài sản cố định khác	1.981		1.981						
	<i>Văn phòng phía Nam</i>	<i>180</i>								
1	Đất khuôn viên	3	2.933,9	2.933,9	2.933,9					
2	Nhà	3	10.196,6	10.196,6	10.196,6					
3	Xe ô tô	4		4	4					
4	Tài sản cố định khác	170		170	170					

STT	Tài sản	Tổng cộng		Hiện trạng sử dụng						
		Số lượng	Diện tích (m2)	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
II	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng	809								
1	Đất khuôn viên	1	36.832,5		36.832,5					
2	Nhà	23	50.390		50.390					
3	Xe ô tô	2			2					
4	Tài sản cố định khác	783			783				x	
III	Viện Chiến lược phát triển	218		218						
1	Đất khuôn viên									
2	Nhà									
3	Xe ô tô	4		4						
4	Tài sản cố định khác	214		214						
IV	Báo Đầu tư	24								
1	Đất khuôn viên	1	329,1		329,1					
2	Nhà	1	1.655		1655					
3	Xe ô tô	4			4					
4	Tài sản cố định khác	18			18					

STT	Tài sản	Tổng cộng		Hiện trạng sử dụng						
		Số lượng	Diện tích (m2)	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
V	Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương	11								
1	Đất khuôn viên									
2	Nhà	5	4.257,307	4.257,307						
3	Xe ô tô	6		6						
4	Tài sản cố định khác									
VI	Trung tâm công nghệ thông tin và chuyển đổi số	1.001			1.001					
1	Đất khuôn viên									
2	Nhà									
3	Xe ô tô									
4	Tài sản cố định khác	1.001			1.001					
VII	Học viện Chính sách và phát triển	482								
1	Đất khuôn viên	1	50.876		50.876					
2	Nhà	2	4.246		4.246					
3	Xe ô tô	2			2					
4	Tài sản cố định khác	477			477					

STT	Tài sản	Tổng cộng		Hiện trạng sử dụng						
		Số lượng	Diện tích (m2)	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
VIII	Cục Phát triển doanh nghiệp	72		72						
1	Đất khuôn viên									
2	Nhà									
3	Xe ô tô	1		1						
4	Tài sản cố định khác	71		71						
IX	Cục Đầu tư nước ngoài	152		152						
1	Đất khuôn viên									
2	Nhà									
3	Xe ô tô	2		2						
4	Tài sản cố định khác	150		150						
X	Cục Quản lý đăng ký kinh doanh	180		42	138					
1	Đất khuôn viên									
2	Nhà									
3	Xe ô tô									
4	Tài sản cố định khác	180		42	138					

STT	Tài sản	Tổng cộng		Hiện trạng sử dụng						
		Số lượng	Diện tích (m2)	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
XI	Cục Quản lý đầu thầu	104		104						
1	Đất khuôn viên									
2	Nhà									
3	Xe ô tô									
4	Tài sản cố định khác	104		104						
XII	Cục Kinh tế hợp tác	36		36						
1	Đất khuôn viên									
2	Nhà									
3	Xe ô tô									
4	Tài sản cố định khác	36		36						
XIII	Tổng cục Thống kê	26.805								
1	Đất khuôn viên	421	438.192	411.518	26.674					
2	Nhà	711	325.576	292.725	33.135					
3	Xe ô tô	100		96	4					
4	Tài sản cố định khác	25.573		24.077	965	2			223	204

STT	Tài sản	Tổng cộng		Hiện trạng sử dụng						
		Số lượng	Diện tích (m2)	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
XIV	Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia	29								
1	Đất khuôn viên									
2	Nhà	2	36.432		36.432					
3	Xe ô tô	1			1					
4	Tài sản cố định khác	26			26					

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Mẫu số 10C-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG
NĂM 2024

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m²; Nguyên giá là: Nghìn Đồng.

STT	TÀI SẢN	THU HỒI				ĐIỀU CHUYỂN				BÁN				THANH LÝ				TIÊU HỦY				XỬ LÝ TRONG TRƯỜNG HỢP BỊ MẤT, BỊ HỦY HOẠI				GHI CHÚ				
		Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại					
I	Văn phòng Bộ					18		3.054.666	2.012.752					2		929.061,500	0													
	<i>Văn phòng I tại Hà Nội</i>																													
1	Đất khuôn viên																													
2	Nhà																													
3	Xe ô tô					3		2.940.000	1.952.160					2		929.061,500	0													
4	Tài sản cố định khác					15		114.666,053	60.592,053																					
	<i>Văn phòng phía Nam</i>																													
1	Đất khuôn viên																													
2	Nhà																													
3	Xe ô tô																													
4	Tài sản cố định khác																													
II	Cục Đầu tư nước ngoài													1		369.744														
	<i>Trung tâm XTĐT Phía Bắc</i>																													
1	Đất khuôn viên																													
2	Nhà																													
3	Xe ô tô													1		369.744														
4	Tài sản cố định khác																													
III	TỔNG CỤC THỐNG KÊ					1.225		52.252.280	34.240.641					1.124		19.988.358	837.365	224		2.163.753	1.200	7		93.489						
1	Đất khuôn viên					3		10.751.840	10.751.840																					
2	Nhà					12		17.164.356	12.366.777																					
3	Xe ô tô					30		323.800	5.750																					
4	Tài sản cố định khác					1.180		24.012.284	11.116.274					1.124		19.988.358	837.365	224		2.163.753	1.200	7		93.489						

